

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 3675/2024/DS-ST

Ngày: 09/8/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Chu Mạnh Tường

2/ Ông Lê Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2206/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5363/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q1

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thế K (có mặt)

Bà Đào Minh Q (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Ánh H (vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P, Số B đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 101182.24 ngày 22/5/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Phi C - sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: H đường T, Khu phố C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng Q1) và ông Nguyễn Phi C đã xác lập 02 hợp đồng tín dụng như sau:

- Ngày 24/4/2018, ông Nguyễn Phi C đã đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế để mở và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng Q1. Theo đó, ông C đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng VIB PLATINUM với hạn mức 68.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ đơn đề nghị của ông C, ngày 26/4/2018 Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt cấp thẻ tín dụng VIB PLATINUM cho ông C với số tài khoản thẻ 000000000148177, số thẻ 5138925189860838, hạn mức 68.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2021. Lãi suất và biểu phí sử dụng được quy định tại bản chấp thuận điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 04/9/2019 đến nay.

- Ngày 12/01/2019, hai bên ký hợp đồng vay tín chấp số 583339.HDTD801.19 với mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, số tiền vay 144.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 15,5%/năm. Ngày 14/01/2019, ngân hàng đã giải ngân số tiền vay là 144.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, thỏa thuận trả nợ theo phương thức trả gốc và lãi hàng tháng với số tiền là 4.044.220 đồng vào ngày 10 hàng tháng, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 10/02/2019, lần trả cuối cùng vào ngày 10/01/2023. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chỉ thanh toán được 08 kỳ nhưng không đầy đủ từ ngày 14/01/2019 đến ngày 20/8/2019. Từ ngày 21/8/2019, ông C đã ngưng trả gốc và lãi nên ngày 04/9/2019, ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông C để yêu cầu thanh toán nhưng ông C không thực hiện. Do đó, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1/ Ông Nguyễn Phi C phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 09/8/2024 là 418.690.871 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 583339.HDTD801.19 ký ngày 12/01/2019 với số tiền nợ gốc là 127.682.024 đồng, nợ lãi trong hạn 47.166.102 đồng, lãi quá hạn là 93.659.377 đồng. Tổng cộng là 268.507.503 đồng.

- Thẻ tín dụng số 5138925189860838 ký ngày 24/4/2018 với số tiền nợ gốc là 67.658.875 đồng, nợ lãi là 27.893.063 đồng, nợ phí là 54.631.430 đồng. Tổng cộng là 150.183.368 đồng.

2/ Ông Nguyễn Phi C còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 10/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bản chấp thuận điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Số tiền Ngân hàng cho vay là chỉ cho cá nhân ông C vay nên nay ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông C trả nợ.

Ông Nguyễn Phi C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông C có nơi cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Phi C đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Nguyễn Phi C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 24/4/2018 ông C đã ký đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB) và ngày 26/4/2018 Ngân hàng đã cấp cho ông C thẻ tín dụng VIB PLATINUM với số tài khoản thẻ 000000000148177, số thẻ 5138925189860838, hạn mức sử dụng là 68.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2019 ông C và Ngân hàng Q1 đã ký hợp đồng vay tín chấp số 583339.HDTD801.19, số tiền vay 144.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 15,5%/năm. Ngày 14/01/2019, ngân hàng đã giải ngân số tiền vay là 144.000.000 đồng, thỏa thuận trả nợ theo phương thức trả gốc và lãi hàng tháng với số tiền là 4.044.220 đồng vào ngày 10 hàng tháng, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 10/02/2019, lần trả cuối cùng vào ngày 10/01/2023.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch và số tiền còn nợ tính đến hết ngày 09/8/2024 là 150.183.368 đồng, trong đó nợ gốc là 67.658.875 đồng, nợ lãi là 27.893.063 đồng, nợ phí là 54.631.430 đồng. Do ông C đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu ông C thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 09/8/2024 là 150.183.368 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hợp đồng số 583339.HDTD801.19 ngày 12/01/2019, sau khi nhận tiền vay ông C chỉ thanh toán được 08 kỳ nhưng không đầy đủ từ ngày 14/01/2019 đến ngày 20/8/2019. Từ ngày 21/8/2019, ông C đã ngưng trả gốc và lãi cho đến nay. Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và số tiền còn nợ tính đến ngày 09/8/2024 là 268.507.503 đồng, trong đó nợ gốc là 127.682.024 đồng, nợ lãi trong hạn 47.166.102 đồng, lãi quá hạn là 93.659.377 đồng.

Xét, các bên thoả thuận ông C trả góp số tiền gốc và lãi đã vay cho Ngân hàng Q1 trong vòng 48 tháng, từ ngày 10/02/2019 đến ngày 10/01/2023. Căn cứ vào thoả thuận này thì ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quá hạn không thanh toán nên nay Ngân hàng Q1 khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 09/8/2024 là 268.507.503 đồng, trong đó nợ gốc là 127.682.024 đồng, nợ lãi trong hạn 47.166.102 đồng, lãi quá hạn là 93.659.377 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tổng cộng số tiền ông C phải trả của cả hai hợp đồng tính đến ngày 09/8/2024 là 418.690.871 đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Phi C còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 10/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bản chấp thuận điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q1 được chấp nhận nên bị đơn ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.747.635 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Q1.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Phi C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 số tiền còn nợ tính đến hết ngày 09/8/2024 là 418.690.871 (bốn trăm mười tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn tám trăm bảy mươi một) đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 583339.HDTD801.19 ký ngày 12/01/2019 với số tiền nợ gốc là 127.682.024 (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn không trăm hai mươi bốn) đồng, nợ lãi trong hạn 47.166.102 (bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm lẻ hai) đồng, lãi quá hạn là 93.659.377 (chín mươi ba triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi bảy) đồng. Tổng cộng là 268.507.503 (hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm lẻ bảy ngàn năm trăm lẻ ba) đồng.

- Thẻ tín dụng số 5138925189860838 ký ngày 24/4/2018 với số tiền nợ gốc là 67.658.875 (sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng, nợ lãi là 27.893.063 (hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi ba ngàn không trăm sáu mươi ba) đồng, nợ phí là 54.631.430 (năm mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi một ngàn bốn trăm ba mươi) đồng. Tổng cộng là 150.183.368 (một trăm năm mươi triệu một trăm tám mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng.

Ông Nguyễn Phi C còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 10/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bản chấp thuận điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phi C phải nộp 20.747.635 (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 số tiền tạm ứng án phí 8.091.416 (tám triệu không trăm chín mươi một ngàn bốn trăm mười sáu) đồng Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001461 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Phi C có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thủy